

Bản án số: 85/2021/HS-ST

Ngày: 16/9/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH D

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Tin – Giáo viên

2. Bà Hoàng Thị Hằng – Bí thư đoàn thanh niên thị xã K

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 91/2021/HSST ngày 27 tháng 8 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2021/QĐXXHS – HS ngày 06 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 12/7/2003, Nơi cư trú: thôn X, xã N, thị xã K, tỉnh D; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị H; Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/7/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh D. Có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo: Bà Lê Thị H, sinh năm 1977, địa chỉ: thôn X, xã N, thị xã K, tỉnh D. Có mặt

- Người bị hại: Anh Phạm Văn T, sinh ngày 07/6/2005, địa chỉ: thôn L, xã Đ, thị xã K, tỉnh D. Vắng mặt

- Người đại diện hợp pháp cho người bị hại T: Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1968, địa chỉ: thôn L, xã Đ, thị xã K, tỉnh D. Vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Vũ Anh T2, sinh năm 1994, địa chỉ: thôn M, xã Q, thị xã K, tỉnh D. Vắng mặt.

* Những người tham gia tố tụng khác:

- Người làm chứng: Anh Phạm Thế Lâm, sinh ngày 10/01/2006, địa chỉ: thôn Lâu Mộng, xã Q, thị xã K, tỉnh D. Vắng mặt

- Đại diện hợp pháp của người làm chứng Lâm: Ông Phạm Văn Thụy, địa chỉ: thôn Lâu Mộng, xã Q, thị xã K, tỉnh D. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 06/7/2021 Nguyễn Tuấn A đến nhà Phạm Văn T, sinh năm 2005, trú tại L, xã Đ, thị xã K, tỉnh D (là bạn của Tuấn A) chơi. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày thấy T ngủ say, tại cửa sổ phòng ngủ có chiếc điện thoại Vsmart Star5 phiên bản 4GB+64GB* màu đen của T, Tuấn A nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại đem bán lấy tiền chi tiêu. Tuấn A cầm chiếc điện thoại cất vào túi quần đang mặc rồi đi đến quán điện thoại Quang Hanh của anh Vũ Anh T2, sinh năm 1994, ở khu dân cư M, phường Q, thị xã K, tỉnh D bán chiếc điện thoại trên cho Anh T2 lấy số tiền là 1.000.000 đồng rồi tiêu sài cá nhân hết. Sau khi bị mất T được anh Phạm Thế Lâm, sinh năm 2006, trú tại Đ, phường Q, thị xã K, tỉnh D kể lại có nhìn thấy Tuấn A cầm 01 điện thoại di động có đặc điểm như chiếc điện thoại của T. Ngày 08/7/2021, T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã K trình báo.

Tại kết luận định giá tài sản số 60 ngày 09/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã K, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart Star5, phiên bản 4GB+64GB* màu đen, còn giá trị là: 2.328.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho anh Phạm Văn T. T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Đối với số tiền 1.000.000đồng anh Vũ Anh T2 bỏ ra mua chiếc điện thoại di động Vsmart Star5 của bị cáo Nguyễn Tuấn A, sau đó Anh T2 đã giao chiếc điện thoại công an này cho Cơ quan điều tra. Anh T2 yêu cầu bị cáo Nguyễn Tuấn A phải trả cho anh số tiền 1.000.000đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Tuấn A đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số 79/CT - VKS ngày 25/8/2021, Viện kiểm sát nhân dân thị xã K đã truy tố bị cáo Nguyễn Tuấn A về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như VKSND thị xã K đã truy tố và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện VKSND thị xã K giữ nguyên Quyết định truy tố; nêu những chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; xem xét nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đề nghị áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 90, 91 và Điều 101 của Bộ luật hình sự.

- Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Đề nghị xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tuấn A từ 04 đến 07 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 22/7/2021.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Vũ Anh T2 số tiền 1.000.000đồng.

- Về xử lý vật chứng: Không

- Án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Bà Lê Thị Hà là người đại diện hợp pháp của bị cáo trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo: Bà là mẹ đẻ của bị cáo Nguyễn Tuấn A, bản thân bị cáo Tuấn A học đến lớp 8 thì bỏ học, do chơi bời với các bạn bè xấu dẫn đến sự việc như ngày nay, bà không có ý kiến gì về tội danh và mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị, tuy nhiên bà đề nghị HĐXX xem xét đến độ tuổi, điều kiện hoàn cảnh của gia đình để có hình phạt phù hợp cho bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an thị xã K; Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố về cơ bản đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc

khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Tuấn A thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, lời khai của bị cáo phù hợp lời khai của bị cáo tại quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, phù hợp với tang vật chứng đã thu giữ cũng như các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 15 giờ ngày 06/7/2021 tại nhà của anh Phạm Văn T ở L, xã Đ, thị xã K, tỉnh D, lợi dụng lúc T đang ngủ, Nguyễn Tuấn A đã lén lút chiếm đoạt của anh Phạm Văn T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart Star5 màu đen, phiên bản: 4GB + 64GB*, trị giá là 2.328.000 đồng.

Hành vi lợi dụng sơ hở của người khác rồi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị cáo Nguyễn Tuấn A đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thị xã K đã truy tố bị cáo theo tội danh, điều luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội : Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi lấy tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, song do ham chơi muốn có tiền tiêu sài cá nhân nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Thời điểm bị cáo phạm tội, bị cáo mới 17 tuổi 11 tháng 24 ngày. Tuy nhiên, tài liệu chứng cứ đã thu thập, ý kiến trình bày của người thân của bị cáo quá trình điều tra và tại phiên tòa cho thấy: Sau khi bị cáo bỏ học, bị cáo là đối tượng ham chơi, không chịu lao động mà thường chơi bời với nhiều thành phần xấu ngoài xã hội. Tại thời điểm Tòa án xét xử, bị cáo đã trên 18 tuổi, do vậy khi quyết định hình phạt đối với bị cáo cũng cần xem xét và áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội để có mức hình phạt phù hợp với tính chất, hành vi phạm tội và điều kiện nhân thân của bị cáo mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Không

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều có thái độ khai báo thành khẩn nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “Người phạm tội thành khẩn khai báo” theo quy

định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bản thân bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là không lớn, tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho người bị hại, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” nên bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của bộ luật hình sự.

[5] *Hình phạt bổ sung*: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo là đối tượng chưa thành niên phạm tội, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] *Về trách nhiệm dân sự*:

Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho người bị hại. Người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi chiếm đoạt được chiếc điện thoại di động Vsmart Star5 của anh Phạm Văn T, bị cáo đã mang tài sản đã chiếm đoạt được đến cửa hàng điện thoại của anh Vũ Anh T2, sinh năm 1994, địa chỉ: thôn M, xã Q, thị xã K, tỉnh D bán được 1.000.000đồng. Quá trình điều tra, xác định: khi mua chiếc điện thoại trên, Anh T2 không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có. Do chiếc điện thoại đã được Cơ quan điều tra quản lý, Anh T2 yêu cầu bị cáo Tuấn A phải hoàn trả cho anh số tiền 1.000.000đồng. Xét thấy, tại thời điểm xét xử bị cáo đã trên 18 tuổi, do vậy cần buộc bị cáo Tuấn A phải bồi thường cho Anh T2 số tiền 1.000.000 đồng, là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] *Xử lý vật chứng*: Tài sản thu giữ đã trả lại cho người bị hại nên không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án.

[7] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ*: khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Điều 90, Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật hình sự.

- *Căn cứ*: Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- *Về tội danh*: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn A phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- *Hình phạt chính*:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tuấn A 05(năm)tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 22/7/2021.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Buộc bị cáo Nguyễn Tuấn A phải bồi thường cho anh Vũ Anh T2, sinh năm 1994, trú tại: thôn M, xã Q, thị xã K, tỉnh D số tiền 1.000.000 đồng.

Kể từ thời điểm người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bị cáo không thi hành số tiền phải bồi thường thì bị cáo còn phải chịu lãi suất chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất do chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

- **Án phí:** Bị cáo Nguyễn Tuấn A phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- **Quyền kháng cáo:** Án xử công khai sơ thẩm; có mặt bị cáo, có mặt người đại diện hợp pháp của bị cáo; vắng mặt người bị hại, vắng mặt người đại diện hợp pháp của người bị hại. Đã báo cho bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Người bị hại, đại diện hợp pháp của người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Nơi nhận:

- VKSND thị xã K;
- VKSND tỉnh D;
- Công an thị xã K;
- Trại tạm giam Công an tỉnh D.
- Chi cục THADS thị xã K.
- Sở Tư pháp tỉnh D.
- Bị cáo; Đại diện Hp cho bị cáo;
- Người bị hại; Đại diện HP cho bị hại;
- Người có QL, NV liên quan;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Khánh